

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI BÌNH
TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 149/2024/HNGĐ-ST
Ngày 05 - 11 - 2024
“V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Diệp Chí Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Quốc Cường

Ông Trần Phi Hùng

- **Thư ký Phiên tòa:** Bà Đỗ Hồng Như – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thới Bình.

Trong ngày 05 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 250/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 324/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Trương Mộng N, sinh năm 1992; Có mặt.

Địa chỉ cư trú: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau;

- **Bị đơn:** Ông Đặng Anh N1, sinh năm 1990; Có mặt.

Địa chỉ cư trú: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:

Về hôn nhân: Bà N trình bày, bà và ông N1 kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào năm 2011 đến năm 2014 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, về sau phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung. Bà và ông N1 đã ly thân nhau. Vì vậy bà N yêu cầu ly hôn với ông N1.

Ý kiến của ông N1: Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, về sau vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn cãi vã, nhưng ông không đồng ý ly hôn và xin được hàn gắn vì còn thương vợ con.

Về con chung: Bà N và ông N1 xác định có 01 con chung tên Đặng Chí N2, sinh ngày 02/12/2011. Hiện cháu N2 đang ở chung với bà N. Khi ly hôn, bà N yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng, bà N không yêu cầu ông N1 cấp dưỡng nuôi con.

Ý kiến của ông N1: Trường hợp giải quyết cho ly hôn thì ông cũng đồng ý giao con cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng, ông N1 không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà N và ông N1 xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà N và ông N1 xác định không có.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại Phiên toà các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn yêu cầu của bà Trương Mộng N về việc xin ly hôn với ông Đặng Anh N1 thuộc lĩnh vực hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Ông N1 là bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[2] Về hôn nhân: Bà N và ông N1 kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào năm 2011 đến năm 2014 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, về sau phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung. Hiện bà N và ông N1 đã ly thân nhau, bà N yêu cầu ly hôn, ông N1 không đồng ý ly hôn, xin được hàn gắn vì còn thương vợ con.

Nhận thấy, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử, ý kiến của ông N1 không đồng ý ly hôn và xin được hàn gắn. Nhưng ông N1 chưa nêu ra giải pháp để thuyết phục bà N trở về với cuộc sống vợ chồng, trong khi bà N vẫn cương quyết ly hôn và cho rằng nếu không chấp nhận giải quyết cho bà được ly hôn thì bà cũng không chờ về chung sống với ông N1. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo đơn yêu cầu của bà N khi phù hợp với quy định của pháp luật.

Theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về ly hôn theo yêu cầu của một bên, bà N xác định mâu thuẫn của vợ chồng đã đến mức trầm trọng, vợ chồng không còn hạnh phúc và yêu cầu ly hôn là phù hợp với quy định nên được chấp nhận về việc bà N xin ly hôn với ông N1.

[3] Về con chung: Bà N và ông N1 xác định có 01 con chung tên Đặng Chí N2, sinh ngày 02/12/2011. Hiện cháu N2 đang ở chung với bà N. Khi ly hôn, bà N yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng, bà N không yêu cầu ông N1 cấp dưỡng nuôi con.

Ý kiến của ông N1: Trường hợp giải quyết cho ly hôn thì ông cũng đồng ý giao con cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng, ông N1 không cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, hiện tại bà N đang nuôi dưỡng cháu N2 có cuộc sống ổn định, bình thường và có yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng sau ly hôn là phù hợp với nguyện vọng của cháu N2 và ý kiến của ông N1. Do đó, việc giao cháu N2 cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng khi vợ chồng ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật nên yêu cầu của bà N được chấp nhận.

Bà N là người trực tiếp nuôi con nhưng không đặt ra yêu cầu ông N1 cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà N và ông N1 xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà N và ông N1 xác định không có.

[6] Về án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình bà N nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 1 Điều 147, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của Trương Mộng N về việc xin ly hôn với ông Đặng Anh N1.

Về con chung: Giao con chung tên Đặng Chí N2, sinh ngày 02/12/2011 cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng (hiện đang ở chung với bà N).

Ông N1 không trực tiếp nuôi con, nhưng có quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung khi phù hợp với quy định của pháp luật, không ai được cản trở.

Bà N là người trực tiếp nuôi con nhưng không đặt ra yêu cầu ông N1 cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Bà N và ông N1 xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Bà N và ông N1 xác định không có.

Án phí dân sự sơ thẩm Hôn nhân và gia đình: Bà N nộp 300.000đ. Vào ngày 01 tháng 10 năm 2024, bà N đã dự nộp 300.000đ theo biên lai số 0016447 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được chuyển thu sung quỹ nhà nước.

Bà N, ông N1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THA dân sự h. Thới Bình;
- UBND xã T, h. Thới Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Diệp Chí Nguyễn